



I. Vương quốc cổ Phù-Nam

Vùng đất trù phú Nam Bộ của Việt nam ngày nay từ khu vực Đồng Nai đến Hà Tiên xưa thuộc Vương Quốc Phù Nam. Phù Nam là tên phiên âm tiếng Hán của từ *Phnom* có nghĩa là núi. Theo sách *Lĩnh Nam Trích Quái* thì người Tàu thời xưa gọi tên nước này là 'Diệu Nghiêm'. Vương quốc Phù Nam là vương quốc đầu tiên hình thành tại Đông Nam châu Á, tồn tại từ đầu thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 6 sau Công nguyên (AD). Chúng ta có thể khẳng định rằng xã hội văn minh đã hiện hữu tại vùng đất này rất lâu trước khi vương quốc được thành lập.

Lịch sử bắt đầu từ khoảng năm thứ nhứt sau Công nguyên khi mà tại châu Âu có Đại Đế Claudius đang ra sức chinh phục đất Anh Cát Lợi và tại Trung Hoa đang là nhà Tây Hán. Theo truyền thuyết thì ngày xưa có một vị giáo sĩ anh hùng (Brahman) người Ấn độ tên là **Kaundinya** được thần linh chỉ đường xuống thuyền xuôi về hướng đông. Sau một cuộc hành trình đầy gian truân, thuyền của Kaundinya đến được đất liền của đồng bằng sông Cửu Long. Bỗng từ đất liền xuất hiện một mỹ nhân trên chiếc thuyền nan bơi ra chặn thuyền của Kaundinya lại. Người mỹ nữ này là Nữ Chúa **Soma**, con gái của vua Rắn Hồ mười đầu. Trận thư hùng diễn ra giữa anh hùng và giai nhân. Nhờ phép thuật thần thông nên Kaundinya thắng trận. Nữ chúa Soma cầu hòa.

Sau đó không lâu hai người yêu rồi cưới nhau sinh ra một người con trai. Người con trai này trở thành vị vua đầu tiên của Vương quốc Phù-Nam lấy hiệu là **Kampu**.

Kinh đô trù phú của vương quốc được xây dựng tại thành **Vyadhapura**. Hầu hết những dữ kiện liên quan đến vương quốc cổ nhất Đông Nam Á này đều đến từ sử liệu Trung Hoa và di vật khai quật được ở Óc-Eo. Chính vì thế tên các vương triều thường là do phiên âm ra tiếng Hán. Vào năm 245 sau Công nguyên nhà Hán Trung Hoa sai sứ giả là **K'ang T'ai** đi kinh lý vương quốc Phù Nam. Ông đã mô tả là vương quốc này đã biết cách luyện kim, kinh đô **Vyadhapura** có xây thành bằng gạch kiên cố chung quanh, có hệ thống kinh đào để thuyền bè có thể đi xuyên qua lãnh thổ. K'ang T'ai cũng nói rằng vương quốc Phù Nam có thư viện với nhiều sách vở chữ Phạn ngữ, có luật lệ, hệ thống thuế và nông nghiệp, thương mại đều đang phát triển. Thường thì người Hoa có tục lệ khinh khi những dân tộc không phải là Hán tộc. K'ang T'ai đã kết luận rằng người Phù Nam là một dân tộc man di, nước da đen đúa xấu xí, tóc quăn và đa số ở trường đi chân không. Ông sứ giả có than phiền điều này với quốc vương Phù Nam là vua **Hun Fan Huang**. Nhà vua sau đó ra lệnh cho tất cả thần dân của Ngài về sau phải quấn vải vào phần dưới thân thể, tiền thân của chiếc sà-ron mà người Thái, Miên và Mã Lai thường mặc ngày nay.

Những lời kể lại của những thương nhân các nơi khác lại tỏ ra thán phục nền văn minh và sự hùng cường của Phù Nam. Họ kể rằng giới quý tộc Phù Nam ăn mặc diêm dúa, ở trong cung điện nguy nga bậc nhất và nước Phù Nam có rất nhiều đồ châu báu vàng bạc quý giá. Vương quốc sử dụng chữ Phạn cổ Sanscrit của Ấn Độ trong công việc hành chánh và thương mại. Trong vòng 300 năm sau ngày lập quốc Phù Nam đã có một hạm đội chiến thuyền và quân lực hùng mạnh. Vương quốc Phù Nam đã chinh phục được hầu như toàn thể những khu dân cư của vùng Mã Lai -Thái lan - Miên và nam Miến Điện để kiểm soát đường hàng hải của các thương thuyền giữa Trung Hoa và Ấn Độ. Hào quang cường thịnh và cách tổ chức hành chánh của Phù Nam đã làm gương mẫu cho những nền văn minh sau này như là tiểu vương quốc Sri Vijaya (Palembang), Sailendra ở Java Indonesia, và Malacca góp phần truyền bá văn minh Ấn Độ đến những thành phố, bộ lạc phiên thuộc dưới quyền kiểm soát của Phù Nam. Óc-Eo ngày xưa là một thương cảng trù phú có nhiều thương thuyền ghé lại. Vào thời điểm này thương gia đến Óc-Eo tấp nập từ đông sang tây: Đế quốc La Mã qua Ấn Độ và Trung Hoa. Người ta đã tìm được những đồng tiền

cổ của La Mã tại đây. Con của Hun Fan Huang là **Fan-Shih-Man** lên nối ngôi khoảng đầu thế kỷ thứ 3. Tiếp theo là các vua **Hun Tien** và **Hun Phan Fan** cha truyền con nối. Vua Hun Phan Fan là một vị minh quân trị vì từ cuối thế kỷ thứ 3 qua thế kỷ thứ 4. Ông nói rộng lãnh thổ làm hùng mạnh quốc gia và chết thọ 90 tuổi, không rõ năm nào. Con của vua Hun Phan Fan là **Hun Phan Phan** không thích làm vua nên bỏ đi tu, nhường ngôi cho một viên tướng là **Seray Mara** sử Tàu gọi là **Fan Che Man**. Vua Fan Che Man nói rộng lãnh thổ Phù Nam ra gấp đôi diện tích cũ. Ông đã băng hà vào khoảng năm 204-210. Sau cái chết của vua Fan Che Man triều đình Phù Nam rơi vào cảnh rối loạn liên tiếp. Người cháu của vua là Fan Chan giết chết thái tử con của vua trước để chiếm ngôi vua. Hai mươi năm sau một người con của vua Fan Che Man là **Asachi** lại giết được Fan Chan để lấy lại ngai vàng. Sau đó không lâu Asachi lại bị tướng **Siun** giết chết để lên làm vua. Hoàn cảnh nào đưa vua Chandan lên ngôi vương không được sử liệu Trung Hoa nhắc đến. Có những chỗ trống trong lịch sử những nước lân bang mà có lẽ vì trùng hợp với những biến động chính trị tại triều đình Trung Quốc nên sử gia Trung Hoa đã không thể điều nghiên ghi chép.

Năm 357 Phù Nam dưới triều vua **Chandan** sang Trung Hoa cầu phong và xin triều cống. Một điều đáng nói là mặc dù những dân tộc tại Đông Nam châu Á có ảnh hưởng văn minh Ấn Độ sâu đậm, người Ấn Độ và lịch sử Ấn Độ hoàn toàn không quan tâm đến thế giới phía đông này cho đến mãi thế kỷ 20 chính phủ và nhân dân Ấn Độ mới tìm hiểu thêm về một vùng văn minh Ấn Độ đã có mặt tại đây từ lâu. Lịch sử Ấn Độ không đếm xỉa gì đến vùng Đông Nam châu Á có ảnh hưởng văn hóa Ấn trong quá khứ. Ngược lại người Trung Hoa từ hơn 2000 năm nay luôn xem vùng biển phương nam thuộc ảnh hưởng của Thiên triều. Họ cho sứ giả đi điều tra và ghi chép cẩn thận những điều mắt thấy tai nghe. Từ lúc ban đầu ấy các nước đông nam Á đều đã có liên hệ ngoại giao với Trung Hoa qua hình thức cống sứ và xin phong. Trong thâm tâm tầng lớp lãnh đạo Trung Hoa, Thiên triều có thẩm quyền và nhiệm vụ can thiệp tại vùng nam châu Á nếu cần. Lịch sử đã chứng minh điều đó và gần đây nhất là Trung quốc đã đánh vào miền Bắc Việt nam năm 1979 vì bất đồng về chủ quyền và ảnh hưởng tại vương quốc Kampuchia. Nhưng cũng nhờ thế mà ta có những sử liệu quý giá từ thời thượng cổ để tìm hiểu lịch sử của những quốc gia phương nam của Trung Quốc trong đó có Việt Nam ngày nay và Phù Nam xưa.

Những thần dân của Phù Nam xưa thuộc giống người thổ da đen Khmer, Môn-Khmer, Miến, và dân

đa đảo Malay-indônêsiên. Ngôn ngữ xử dụng thuộc hệ Ấn độ pha trộn với nhiều sắc thái, thổ ngữ địa phương. Người nước Phù Nam theo đạo Bà La Môn và Phật giáo. Vương quốc Phù Nam đạt đến sự cực thịnh dưới triều vua **Kaundinya Jajavarman** (478-514). **Vua Rudravaman** (514-539) có sai sứ sang Trung Hoa triều cống và cho biết Ngài có một lợn tóc xá lợi của Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni. Trong thời gian này các vị cao tăng Phật giáo người Phù Nam đã dịch cuốn Phật Kinh **Vimutti Magga** sang tiếng Hoa. Ngày nay cuốn kinh này chỉ tồn tại bằng chữ Hán vì bản chánh chữ Phạn đã bị thất lạc. Thế rồi sau đó vương quốc Phù Nam bị suy tàn bởi nội loạn và sự nổi dậy của dân tộc Khmer (một xứ phiên thuộc của Phù Nam), tràn sang từ vùng đất thuộc nước Lào bây giờ. Một yếu tố khác góp phần vào sự suy tàn của Phù Nam là nền kinh tế của quốc gia đã đi xuống từ sau những tiến bộ về kỹ thuật hàng hải. Thuyền buôn vào thời điểm này đã có thể đi xa bờ và ít có nhu cầu ghé lại Óc-Eo trên đường đi qua Trung Quốc. Năm 539 vương quốc Phù Nam bị buộc phải triều cống cho người Khmer lúc đó là **Vương quốc Chân Lạp**. Đến năm 627 Phù Nam bị người Khmers dưới quyền vua Chân Lạp là **Bhavavarman** xóa hẳn tên trên bản đồ. Những thần dân của Phù Nam bị sáp nhập vào vương quốc Khmer. Hoàng gia của Phù Nam dùng đường biển tị nạn sang đảo Java của Nam Dương (Indonesia). Họ sống âm thầm mãi đến gần 200 năm sau, hậu duệ của nhóm người này phát lên để dựng nên triều đại huy hoàng **Sailendra**. Các ông hoàng bà chúa của dòng họ này lại kết hôn với các lãnh chúa của các tiểu vương lân bang như Mã Lai và nhiều đảo quốc trong vùng. Cho đến ngày nay giới quý tộc, hoàng gia các nước đa đảo như Mã Lai, Nam Dương (Indonesia) đều có liên hệ huyết thống với hoàng tộc nước Phù Nam của miền nam Việt Nam.

Từ năm 550 trở về sau cho đến khi chúa Nguyễn bành trướng thế lực đến miền nam, người Khmer cai trị xứ này theo niên hiệu các vị vua Chân Lạp. Từ khi bị mất nước về tay Chân Lạp người dân Phù Nam trở thành một dân tộc lục địa, mất đi khả năng hàng hải. Ngày nay người Khmer nhìn nhận các vương triều Phù Nam là tổ tiên của cả dân tộc Khmer và là một phần của lịch sử Khmer. Người Khmer còn được chúng ta biết đến qua nhiều danh xưng Cao Miên, Chân Lạp, Cam bốt và Kampuchia. Vào lúc người Việt di cư đến vùng đất miền Nam vào năm 1800 người ta tìm thấy



một pho tượng nữ vương bằng cẩm thạch bị chôn vùi từ thế kỷ thứ 5 hoặc thứ 6 sau Công nguyên. Có thuyết cho rằng đó là tượng quốc mẫu vương quốc Phù Nam là Soma. Người Việt kính cẩn lập đền thờ bà tại núi Sam tỉnh An Giang gọi là đền thờ Bà Chúa Xứ. Hàng năm cư dân Hoa, Việt, Miên lui tới cúng bái, hương khói vô cùng linh thiêng. Sự việc đó cho thấy lòng biết ơn của những người đến sau đối với những đợt người đã khai phá vùng đất này trước dân tộc Việt Nam.

II. Vương quốc Chân Lạp làm chủ khu vực miền nam Việt Nam (thế kỷ thứ 7-thế kỷ 17 sau Công Nguyên)

Năm 600-611 có triều vua **Mahendravarman** tiếp theo là vua **Isanavarman** đóng đô tại Ankor Borey. Năm 750 vua **Jayavaman I** mở rộng lãnh thổ, xây thêm đền đài. Ngài cho khẩn hoang và trồng lúa cùng các loại hoa màu dọc bờ sông Cửu Long xuống tới miền Tây Việt Nam ngày nay. Khoảng năm 780 dòng Vương cũ của Phù Nam giờ thành Vương Triều Sailendra của đảo Java (Indonesia) trở nên hùng mạnh đã dùng binh lực ép buộc vương quốc Chân Lạp của người Khmers phải chịu triều cống và lệ thuộc. Từ năm 800 đến 887 nước Chân Lạp dưới sự lãnh đạo của vua **Jayavaman II** (802-887) và **Jayavaman III** (850-887) đã giành lại được độc lập từ dòng Sailendra của Java. Vương quốc Chân Lạp được đổi tên là Kampuchia. Trong thời này những thế lực phong kiến có khuynh hướng chia đế quốc Chân Lạp thành Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp (vùng đồng bằng miền nam tức Phù Nam xưa). Jayavaman II còn có tên là Puskarak đã từng bị bắt trong trận chiến, và bị đày qua đảo Java. Sau ông trốn thoát về tổ chức nghĩa quân giải phóng đất nước chống lại quân chiếm đóng Java và quân người Chăm nước Champa (Trung Việt ngày nay). Năm 803 Puskarak lên ngôi Vương lấy hiệu là Jayavaman II rồi tuyên bố độc lập. Tuy nhiên quyền lực của đảo quốc Java không ngừng dòm ngó vương quốc Kampuchia của Jayavaman II. Trong suốt 50 năm trị vì ông đã dời đô 5 lần vì chiến tranh với Java. Khi Jayavaman III qua đời không con nối dõi nên một người bà con họ mẹ đã lên ngôi xưng vương hiệu là **Indravaman I** (877-889).



Vua Indravaman I là một vị vua anh hùng, có tài thao lược và cũng yêu nghệ thuật văn thư. Trong đời ông đã có công thống nhất Lục Chân Lạp với Thủy Chân Lạp và xây

dựng thêm nhiều thành phố lớn, khuyến khích nông nghiệp và thương mại. Indravaman I cũng khởi đầu nói rộng Đế quốc Khmer (Kampuchia), thay đổi bản đồ chính trị trên bán đảo Đông Dương bằng những võ công nổi bật. Con của Indravaman I nối theo sự nghiệp của cha xưng hiệu là **Yaksovaman I** (889-900). Yaksovaman I dời kinh đô từ **Hari Hara Ley** đến **Yaso Tha Bura** trên cao nguyên Bakheng. Chính vào thời điểm này sự phủ cường của Đế quốc Kampuchia đã cho phép nhà vua khởi công nhiều công trình kiến trúc vĩ đại trong đó có **Angkor Wat** (Đế Thiên Đế Thích), đền đài **Lo Ley**, đền đài **Phnom Bok**. Angkor Wat đã là một công trình kiến trúc vĩ đại nhất của vùng Đông Nam Châu Á. Nhà vua còn cho đào hồ **Đông Baray** dài 7 km, ngang 1800 km. Một công trình vĩ đại vào thời đó. Những công trình to tát này đa phần nhờ vào hàng vạn tù binh và nô lệ bắt được từ những trận chiến chinh phạt Xiêm và Lào. Suốt thế kỷ thứ 9 Đế quốc Khmer-Chân Lạp có 6 triều vương đó là **Hashavaman I** (900-922), **Isanavarman II** (922-928), **Jayavaman IV** (928-941), **Harshavaman II** (941-944), **Rajendravarman II** (944-968), và **Jayavaman V** (968-1001). Rajendravarman II vốn là một vị tướng của vương quốc sau khi gom quyền lực vào tay đã lên ngôi vương tại **Angkor Watt** (Đế Thiên Đế Thích). Trong 24 năm cầm quyền ông cho xây thêm nhiều đền tháp lâu đài và đánh bại quân Chăm của Vương quốc Chiêm Thành (Champa, Trung Việt). Khi nhà vua băng hà con là **Jayavaman V** lên thay. Sau cái chết của Jayavaman V năm 1001 toàn lãnh thổ Chân Lạp rơi vào cảnh đại loạn kéo dài 9 năm. Lãnh chúa **Suryavaman I** (1002-1050) đã đàn áp được những thế lực khác và thống nhất ngôi Vương tại Angkor Wat. Từ năm 1050 đến 1177 đế quốc Khmer tiếp tục bành trướng. Phía bắc giáp Trung Hoa, phía nam giáp biển Xiêm La (Thái Lan), phía tây giáp Miến Điện, phía đông giáp Chiêm Thành. Trong thời gian này hùng cường nhất là vua **Suryavaman II** (1113-1150). Nhà vua xông pha trận mạc để lại nhiều võ công oai hùng. Ngài đã đụng trận với Trung Hoa, Đại Việt, Chiêm Thành, Xiêm và Miến-Mường. Ngài đã chết tại sa trường một cách oanh liệt. Năm 1177 quân Chăm của Vương Quốc Chiêm Thành (Champa) xâm lăng và giết được vua Khmer là **Tri-Bhuvanadit-yavarmān** khởi đầu cho quá trình suy tàn của đế quốc Khmer từ thế kỷ thứ 13. Trên thế giới lúc đó là thời điểm đế quốc Mông Cổ đang bành trướng vào Ấn Độ phía Tây, xâm chiếm Trung Hoa phía Bắc và phía Đông hai vương quốc Đại Việt và Chiêm Thành đang nắm tay hợp sức đẩy lui đoàn quân viễn chinh Mông Cổ.

(còn tiếp)